

Đề thi số 4

Phần I: Câu hỏi lý thuyết (50 câu)

Câu 1: Pháp luật có mối quan hệ như thế nào với kinh tế?

- A. Pháp luật quyết định kinh tế.
- B. Kinh tế quyết định pháp luật.
- C. Pháp luật và kinh tế không có mối quan hệ.
- D. Pháp luật và kinh tế có mối quan hệ độc lập.

Đáp án: B

Câu 2: Pháp luật có mối quan hệ như thế nào với đạo đức?

- A. Pháp luật và đạo đức luôn trùng khớp.
- B. Pháp luật và đạo đức luôn đối lập.
- C. Pháp luật và đạo đức có mối quan hệ tác động qua lại, bổ sung cho nhau.
- D. Pháp luật và đạo đức không có mối quan hệ.

Đáp án: C

Câu 3: Pháp luật có mối quan hệ như thế nào với nhà nước?

- A. Nhà nước ban hành pháp luật.
- B. Pháp luật tạo ra nhà nước.
- C. Nhà nước và pháp luật không có mối quan hệ.
- D. Nhà nước và pháp luật có mối quan hệ độc lập.

Đáp án: A

Câu 4: Nguồn của pháp luật là gì?

- A. Là nơi chứa đựng các quy tắc xử sự chung, có tính bắt buộc.
- B. Là nơi chứa đựng các quy tắc đạo đức.
- C. Là nơi chứa đựng các phong tục, tập quán.
- D. Là nơi chứa đựng các quy tắc của tổ chức xã hội.

Đáp án: A

Câu 5: Các hình thức của pháp luật bao gồm:

- A. Văn bản quy phạm pháp luật, tiền lệ pháp, tập quán pháp.
- B. Hiến pháp, luật, nghị định.

C. Văn bản quy phạm pháp luật, văn bản áp dụng pháp luật.

D. Tất cả các đáp án trên.

Đáp án: A

Câu 6: Tiền lệ pháp là gì?

A. Là quy tắc xử sự được hình thành từ các quyết định của tòa án hoặc cơ quan hành chính trong các vụ việc cụ thể, được áp dụng để giải quyết các vụ việc tương tự sau này.

B. Là quy tắc xử sự do nhà nước ban hành.

C. Là quy tắc xử sự do cộng đồng tự đặt ra.

D. Là quy tắc xử sự do phong tục, tập quán truyền lại.

Đáp án: A

Câu 7: Tập quán pháp là gì?

A. Là quy tắc xử sự được hình thành từ các phong tục, tập quán lâu đời, được nhà nước thừa nhận và bảo đảm thực hiện.

B. Là quy tắc xử sự do nhà nước ban hành.

C. Là quy tắc xử sự do tòa án ban hành.

D. Là quy tắc xử sự do cơ quan hành chính ban hành.

Đáp án: A

Câu 8: Hệ thống pháp luật là gì?

A. Là tổng thể các ngành luật, chế định pháp luật, quy phạm pháp luật có mối liên hệ nội tại, thống nhất với nhau.

B. Là tổng thể các văn bản quy phạm pháp luật.

C. Là tổng thể các quy tắc đạo đức.

D. Là tổng thể các phong tục, tập quán.

Đáp án: A

Câu 9: Ngành luật nào điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong lĩnh vực hành chính nhà nước?

A. Luật dân sự.

B. Luật hình sự.

C. Luật hành chính.

D. Luật lao động.

Đáp án: C

Câu 10: Ngành luật nào điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong lĩnh vực tài sản và nhân thân?

- A. Luật dân sự.
- B. Luật hình sự.
- C. Luật hành chính.
- D. Luật lao động.

Đáp án: A

Câu 11: Ngành luật nào điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong lĩnh vực tội phạm và hình phạt?

- A. Luật dân sự.
- B. Luật hình sự.
- C. Luật hành chính.
- D. Luật lao động.

Đáp án: B

Câu 12: Ngành luật nào điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong lĩnh vực lao động?

- A. Luật dân sự.
- B. Luật hình sự.
- C. Luật hành chính.
- D. Luật lao động.

Đáp án: D

Câu 13: Chủ thể của quan hệ pháp luật có thể là:

- A. Cá nhân.
- B. Tổ chức.
- C. Nhà nước.
- D. Tất cả các đáp án trên.

Đáp án: D

Câu 14: Năng lực pháp luật của cá nhân phát sinh từ khi nào?

- A. Từ khi sinh ra.
- B. Từ khi đủ 6 tuổi.
- C. Từ khi đủ 15 tuổi.
- D. Từ khi đủ 18 tuổi.

Đáp án: A

Câu 15: Năng lực hành vi của cá nhân phát sinh từ khi nào?

- A. Từ khi sinh ra.
- B. Từ khi đủ 6 tuổi.
- C. Từ khi đủ 15 tuổi.
- D. Từ khi đủ 18 tuổi.

Đáp án: D

Câu 16: Khách thể của quan hệ pháp luật có thể là:

- A. Tài sản.
- B. Hành vi.
- C. Lợi ích phi vật chất.
- D. Tất cả các đáp án trên.

Đáp án: D

Câu 17: Nội dung của quan hệ pháp luật bao gồm:

- A. Quyền và nghĩa vụ pháp lý.
- B. Quy tắc xử sự.
- C. Chế tài.
- D. Tất cả các đáp án trên.

Đáp án: A

Câu 18: Sự kiện pháp lý là gì?

- A. Là những sự việc xảy ra trong đời sống xã hội mà pháp luật gắn với nó việc phát sinh, thay đổi, chấm dứt quan hệ pháp luật.
- B. Là những sự việc xảy ra trong đời sống xã hội không liên quan đến pháp luật.
- C. Là những sự việc xảy ra trong đời sống xã hội chỉ liên quan đến đạo đức.
- D. Là những sự việc xảy ra trong đời sống xã hội chỉ liên quan đến phong tục, tập quán.

Đáp án: A

Câu 19: Hành vi pháp lý là gì?

- A. Là sự kiện pháp lý xảy ra theo ý chí của con người.
- B. Là sự kiện pháp lý xảy ra ngoài ý chí của con người.
- C. Là sự kiện pháp lý xảy ra do thiên tai.
- D. Là sự kiện pháp lý xảy ra do dịch bệnh.

Đáp án: A

Câu 20: Sự kiện pháp lý là gì?

- A. Là sự kiện pháp lý xảy ra theo ý chí của con người.
- B. Là sự kiện pháp lý xảy ra ngoài ý chí của con người.
- C. Là sự kiện pháp lý xảy ra do hành vi của con người.
- D. Là sự kiện pháp lý xảy ra do quyết định của nhà nước.

Đáp án: B

Câu 21: Vi phạm pháp luật là gì?

- A. Là hành vi trái pháp luật, có lỗi, do chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện, xâm hại đến các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ.
- B. Là hành vi trái đạo đức.
- C. Là hành vi không tuân thủ phong tục tập quán.
- D. Là hành vi không được xã hội chấp nhận.

Đáp án: A

Câu 22: Dấu hiệu nào sau đây là dấu hiệu của vi phạm pháp luật?

- A. Tính trái pháp luật.
- B. Tính có lỗi.
- C. Tính có hại cho xã hội.
- D. Tất cả các đáp án trên.

Đáp án: D

Câu 23: Lỗi cố ý trực tiếp là gì?

- A. Là trường hợp chủ thể nhận thức rõ hành vi của mình là trái pháp luật, thấy trước hậu quả của hành vi đó và mong muốn hậu quả đó xảy ra.
- B. Là trường hợp chủ thể nhận thức rõ hành vi của mình là trái pháp luật, thấy trước hậu quả của hành vi đó nhưng không mong muốn và cũng không để mặc cho hậu quả đó xảy ra.
- C. Là trường hợp chủ thể không nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật.
- D. Là trường hợp chủ thể không thấy trước hậu quả của hành vi của mình.

Đáp án: A

Câu 24: Lỗi cố ý gián tiếp là gì?

- A. Là trường hợp chủ thể nhận thức rõ hành vi của mình là trái pháp luật, thấy trước hậu quả của hành vi đó và mong muốn hậu quả đó xảy ra.
- B. Là trường hợp chủ thể nhận thức rõ hành vi của mình là trái pháp luật, thấy trước hậu quả của hành vi đó nhưng không mong muốn và cũng không để mặc cho hậu quả đó xảy ra.

C. Là trường hợp chủ thể không nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật.

D. Là trường hợp chủ thể không thấy trước hậu quả của hành vi của mình.

Đáp án: B

Câu 25: Lỗi vô ý do quá tự tin là gì?

A. Là trường hợp chủ thể nhận thức rõ hành vi của mình là trái pháp luật, thấy trước hậu quả của hành vi đó và mong muốn hậu quả đó xảy ra.

B. Là trường hợp chủ thể nhận thức rõ hành vi của mình là trái pháp luật, thấy trước hậu quả của hành vi đó nhưng không mong muốn và cũng không để mặc cho hậu quả đó xảy ra.

C. Là trường hợp chủ thể không nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật.

D. Là trường hợp chủ thể thấy trước hành vi của mình có thể gây ra hậu quả nguy hiểm cho xã hội nhưng cho rằng hậu quả đó sẽ không xảy ra hoặc có thể ngăn ngừa được.

Đáp án: D

Câu 26: Lỗi vô ý do cẩu thả là gì?

A. Là trường hợp chủ thể nhận thức rõ hành vi của mình là trái pháp luật, thấy trước hậu quả của hành vi đó và mong muốn hậu quả đó xảy ra.

B. Là trường hợp chủ thể nhận thức rõ hành vi của mình là trái pháp luật, thấy trước hậu quả của hành vi đó nhưng không mong muốn và cũng không để mặc cho hậu quả đó xảy ra.

C. Là trường hợp chủ thể không thấy trước hành vi của mình có thể gây ra hậu quả nguy hiểm cho xã hội, mặc dù phải thấy trước và có thể thấy trước hậu quả đó.

D. Là trường hợp chủ thể thấy trước hành vi của mình có thể gây ra hậu quả nguy hiểm cho xã hội nhưng cho rằng hậu quả đó sẽ không xảy ra hoặc có thể ngăn ngừa được.

Đáp án: C

Câu 27: Trách nhiệm pháp lý là gì?

A. Là hậu quả pháp lý bất lợi mà chủ thể vi phạm pháp luật phải gánh chịu.

B. Là trách nhiệm đạo đức.

C. Là trách nhiệm xã hội.

D. Là trách nhiệm cá nhân.

Đáp án: A

Câu 28: Trách nhiệm hình sự là gì?

A. Là trách nhiệm pháp lý do Tòa án áp dụng đối với người phạm tội.

B. Là trách nhiệm pháp lý do cơ quan hành chính áp dụng.

C. Là trách nhiệm pháp lý do Tòa án áp dụng trong các vụ án dân sự.

D. Là trách nhiệm pháp lý do người sử dụng lao động áp dụng.

Đáp án: A

Câu 29: Trách nhiệm hành chính là gì?

- A. Là trách nhiệm pháp lý do Tòa án áp dụng đối với người phạm tội.
- B. Là trách nhiệm pháp lý do cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền áp dụng đối với cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính.
- C. Là trách nhiệm pháp lý do Tòa án áp dụng trong các vụ án dân sự.
- D. Là trách nhiệm pháp lý do người sử dụng lao động áp dụng.

Đáp án: B

Câu 30: Trách nhiệm dân sự là gì?

- A. Là trách nhiệm pháp lý do Tòa án áp dụng đối với người phạm tội.
- B. Là trách nhiệm pháp lý do cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền áp dụng đối với cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính.
- C. Là trách nhiệm pháp lý do Tòa án áp dụng đối với cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm pháp luật dân sự.
- D. Là trách nhiệm pháp lý do người sử dụng lao động áp dụng.

Đáp án: C

Câu 31: Trách nhiệm kỷ luật là gì?

- A. Là trách nhiệm pháp lý do Tòa án áp dụng đối với người phạm tội.
- B. Là trách nhiệm pháp lý do cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền áp dụng đối với cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính.
- C. Là trách nhiệm pháp lý do Tòa án áp dụng đối với cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm pháp luật dân sự.
- D. Là trách nhiệm pháp lý do thủ trưởng cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc quyền quản lý của mình có hành vi vi phạm kỷ luật.

Đáp án: D

Câu 32: Hợp đồng lao động xác định thời hạn là hợp đồng mà trong đó hai bên xác định thời hạn, thời điểm chấm dứt hiệu lực của hợp đồng trong khoảng thời gian bao lâu?

- A. Từ đủ 12 tháng đến 36 tháng.
- B. Dưới 12 tháng.
- C. Trên 36 tháng.

D. Không xác định thời hạn.

Đáp án: A

Câu 33: Hợp đồng lao động không xác định thời hạn là hợp đồng mà trong đó hai bên không xác định thời hạn, thời điểm chấm dứt hiệu lực của hợp đồng.

A. Đúng.

B. Sai.

Đáp án: A

Câu 34: Người lao động có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động không cần báo trước trong trường hợp nào?

A. Bị ngược đãi, quấy rối tình dục, cưỡng bức lao động.

B. Không được bố trí đúng công việc, địa điểm làm việc hoặc không được bảo đảm điều kiện làm việc đã thỏa thuận trong hợp đồng lao động.

C. Không được trả lương đầy đủ hoặc trả lương không đúng thời hạn theo hợp đồng lao động.

D. Tất cả các đáp án trên.

Đáp án: D

Câu 35: Người sử dụng lao động có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động không cần báo trước trong trường hợp nào?

A. Người lao động tự ý bỏ việc 5 ngày cộng dồn trong 30 ngày hoặc 20 ngày cộng dồn trong 365 ngày mà không có lý do chính đáng.

B. Người lao động bị xử lý kỷ luật sa thải.

C. Người lao động bị kết án tù nhưng không được hưởng án treo hoặc không thuộc trường hợp được trả tự do theo quy định của pháp luật.

D. Tất cả các đáp án trên.

Đáp án: D

Câu 36: Tiền lương làm thêm giờ vào ngày thường được tính như thế nào?

A. Tiền lương giờ thực trả của ngày làm việc bình thường x 150%.

B. Tiền lương giờ thực trả của ngày làm việc bình thường x 200%.

C. Tiền lương giờ thực trả của ngày làm việc bình thường x 300%.

D. Tiền lương giờ thực trả của ngày làm việc bình thường x 400%.

Đáp án: A

Câu 37: Tiền lương làm thêm giờ vào ngày nghỉ hàng tuần được tính như thế nào?

- A. Tiền lương giờ thực trả của ngày làm việc bình thường x 150%.
- B. Tiền lương giờ thực trả của ngày làm việc bình thường x 200%.
- C. Tiền lương giờ thực trả của ngày làm việc bình thường x 300%.
- D. Tiền lương giờ thực trả của ngày làm việc bình thường x 400%.

Đáp án: B

Câu 38: Tiền lương làm thêm giờ vào ngày nghỉ lễ, tết, ngày nghỉ có hưởng lương được tính như thế nào?

- A. Tiền lương giờ thực trả của ngày làm việc bình thường x 150%.
- B. Tiền lương giờ thực trả của ngày làm việc bình thường x 200%.
- C. Tiền lương giờ thực trả của ngày làm việc bình thường x 300%.
- D. Tiền lương giờ thực trả của ngày làm việc bình thường x 400%.

Đáp án: C

Câu 39: Tiền lương làm thêm giờ vào ban đêm được tính như thế nào?

- A. Tiền lương giờ thực trả của ngày làm việc bình thường x 150% + 30% tiền lương giờ thực trả của ngày làm việc bình thường.
- B. Tiền lương giờ thực trả của ngày làm việc bình thường x 200% + 30% tiền lương giờ thực trả của ngày làm việc bình thường.
- C. Tiền lương giờ thực trả của ngày làm việc bình thường x 300% + 30% tiền lương giờ thực trả của ngày làm việc bình thường.
- D. Tiền lương giờ thực trả của ngày làm việc bình thường x 400% + 30% tiền lương giờ thực trả của ngày làm việc bình thường.

Đáp án: C

Câu 40: Kỷ luật lao động là gì?

- A. Là những quy định về việc tuân thủ thời gian làm việc, trình tự, thủ tục trong lao động và các quy định khác trong nội quy lao động.
- B. Là các quy tắc ứng xử trong công ty.
- C. Là các quy định về an toàn lao động.
- D. Là các quy định về vệ sinh lao động.

Đáp án: A

Câu 41: Nội quy lao động phải được đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước về lao động cấp nào?

- A. Cấp xã.
- B. Cấp huyện.
- C. Cấp tỉnh.
- D. Cấp trung ương.

Đáp án: C

Câu 42: Các hình thức xử lý kỷ luật lao động bao gồm:

- A. Khiển trách, kéo dài thời hạn nâng lương không quá 6 tháng, cách chức, sa thải.
- B. Cảnh cáo, phạt tiền, đình chỉ công tác.
- C. Buộc thôi việc, hạ bậc lương, chuyển công tác khác.
- D. Tất cả các đáp án trên.

Đáp án: A

Câu 43: Trách nhiệm vật chất là gì?

- A. Là trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm kỷ luật lao động gây ra.
- B. Là trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật hình sự gây ra.
- C. Là trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật dân sự gây ra.
- D. Là trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật hành chính gây ra.

Đáp án: A

Câu 44: Nguyên tắc giải quyết tranh chấp lao động là gì?

- A. Tôn trọng quyền tự định đoạt của các bên.
- B. Giải quyết thông qua hòa giải, trọng tài.
- C. Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên.
- D. Tất cả các đáp án trên.

Đáp án: D

Câu 45: Cơ quan nào có thẩm quyền giải quyết tranh chấp lao động cá nhân?

- A. Hòa giải viên lao động.
- B. Hội đồng trọng tài lao động.
- C. Tòa án nhân dân.
- D. Tất cả các đáp án trên.

Đáp án: D

Câu 46: Cơ quan nào có thẩm quyền giải quyết tranh chấp lao động tập thể?

- A. Hòa giải viên lao động.

B. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

C. Tòa án nhân dân.

D. Tất cả các đáp án trên.

Đáp án: D

Câu 47: Pháp luật là gì?

A. Là hệ thống các quy tắc xử sự chung, có tính bắt buộc, do nhà nước ban hành hoặc thừa nhận và bảo đảm thực hiện bằng sức mạnh cưỡng chế của nhà nước.

B. Là hệ thống các quy tắc đạo đức.

C. Là hệ thống các phong tục, tập quán.

D. Là hệ thống các quy tắc của tổ chức xã hội.

Đáp án: A

Câu 48: Nhà nước là gì?

A. Là một tổ chức đặc biệt của quyền lực chính trị, một bộ máy chuyên làm nhiệm vụ cưỡng chế và thực hiện các chức năng quản lý đặc biệt nhằm duy trì trật tự xã hội.

B. Là một tổ chức kinh tế.

C. Là một tổ chức xã hội.

D. Là một tổ chức tôn giáo.

Đáp án: A

Câu 49: Vi phạm pháp luật là gì?

A. Là hành vi trái pháp luật, có lỗi, do chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện, xâm hại đến các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ.

B. Là hành vi trái đạo đức.

C. Là hành vi không tuân thủ phong tục tập quán.

D. Là hành vi không được xã hội chấp nhận.

Đáp án: A

Câu 50: Trách nhiệm pháp lý là gì?

A. Là hậu quả pháp lý bất lợi mà chủ thể vi phạm pháp luật phải gánh chịu.

B. Là trách nhiệm đạo đức.

C. Là trách nhiệm xã hội.

D. Là trách nhiệm cá nhân.

Đáp án: A

Phần II: Câu hỏi tình huống thực tế (10 câu)

Câu 51: Anh A là nhân viên của công ty X. Anh A thường xuyên đi làm muộn và không hoàn thành công việc được giao. Công ty X đã nhiều lần nhắc nhở nhưng anh A vẫn tái phạm. Trong trường hợp này, công ty X có thể áp dụng hình thức xử lý kỷ luật nào đối với anh A?

- A. Khiển trách.
- B. Kéo dài thời hạn nâng lương.
- C. Sa thải.
- D. Tất cả các hình thức trên đều có thể được áp dụng tùy theo mức độ vi phạm và nội quy lao động của công ty.

Đáp án: D

Câu 52: Chị B làm việc tại công ty Y theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Chị B bị ốm nặng và phải điều trị liên tục trong 15 tháng. Trong trường hợp này, công ty Y có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với chị B không?

- A. Có, vì chị B đã điều trị quá 12 tháng liên tục.
- B. Không, vì chị B bị ốm là lý do chính đáng.
- C. Chỉ khi chị B tự nguyện xin nghỉ việc.
- D. Chỉ khi có sự đồng ý của công đoàn.

Đáp án: A

Câu 53: Anh C là công nhân tại nhà máy Z. Trong quá trình làm việc, do sơ suất, anh C đã làm hỏng một máy móc trị giá 50 triệu đồng. Anh C có phải chịu trách nhiệm vật chất đối với thiệt hại này không?

- A. Có, anh C phải bồi thường toàn bộ thiệt hại.
- B. Có, anh C phải bồi thường một phần thiệt hại theo quy định của pháp luật lao động.
- C. Không, vì đây là tai nạn lao động.
- D. Không, vì máy móc đã cũ.

Đáp án: B

Câu 54: Một nhóm công nhân tại công ty K đình công đòi tăng lương. Công ty K và nhóm công nhân không đạt được thỏa thuận. Trong trường hợp này, tranh chấp lao động tập thể này có thể được giải quyết bằng cách nào?

- A. Hòa giải.
- B. Trọng tài lao động.
- C. Tòa án nhân dân.

D. Tất cả các phương án trên đều có thể được áp dụng theo trình tự pháp luật.

Đáp án: D

Câu 55: Một người lái xe máy không đội mũ bảo hiểm. Hành vi này là vi phạm pháp luật loại nào?

- A. Vi phạm hành chính.
- B. Vi phạm hình sự.
- C. Vi phạm dân sự.
- D. Vi phạm kỷ luật.

Đáp án: A

Câu 56: Một người tung tin đồn thất thiệt trên mạng xã hội gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín của một cá nhân. Hành vi này có thể bị xử lý theo loại trách nhiệm pháp lý nào?

- A. Trách nhiệm hình sự.
- B. Trách nhiệm dân sự.
- C. Trách nhiệm hành chính.
- D. Tất cả các loại trách nhiệm trên đều có thể được áp dụng tùy theo mức độ và hậu quả của hành vi.

Đáp án: D

Câu 57: Một quy phạm pháp luật quy định: “Công dân có nghĩa vụ đóng thuế theo quy định của pháp luật”. Phần “Công dân” là bộ phận nào của quan hệ pháp luật?

- A. Chủ thể.
- B. Khách thể.
- C. Nội dung.
- D. Sự kiện pháp lý.

Đáp án: A

Câu 58: Một người 15 tuổi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Người này có phải chịu trách nhiệm hình sự không?

- A. Có, vì đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự.
- B. Không, vì chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự.
- C. Có, nhưng chỉ chịu trách nhiệm hình sự nhẹ hơn.
- D. Tùy thuộc vào mức độ nghiêm trọng của hành vi.

Đáp án: D

Câu 59: Một công ty gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Công ty này sẽ phải chịu trách nhiệm pháp lý nào?

- A. Trách nhiệm hành chính.
- B. Trách nhiệm dân sự.
- C. Trách nhiệm hình sự.
- D. Tất cả các loại trách nhiệm trên đều có thể được áp dụng tùy theo mức độ và hậu quả của hành vi.

Đáp án: D

Câu 60: Một người bị tai nạn giao thông do lỗi của người khác gây ra. Người bị tai nạn có quyền yêu cầu người gây tai nạn bồi thường thiệt hại không?

- A. Có, theo quy định của pháp luật dân sự.
- B. Không, vì đây là sự cố ngoài ý muốn.
- C. Chỉ khi có sự đồng ý của người gây tai nạn.
- D. Chỉ khi có sự can thiệp của cơ quan nhà nước.

Đáp án: A